

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 17/2025/DS - ST.

Ngày: 20/8/2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà Ngô Thị Luân

+ Trần Thị Thanh Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Thu Duy - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở: Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2025/TLST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXX - ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông K' Rinh, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông K' Yông, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên Tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông K' Rinh trình bày:* Vào ngày 05/5/2024 ông có cầm cố 01 chiếc xe máy tại cửa hàng Đ1 do ông Trần Quang Đ là chủ cơ sở. Chiếc xe máy mà ông cầm cố nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1 53870; số khung E4970DR24324, số máy E467D2R24324; loại xe nam; màu sơn xanh; người đứng tên chủ sở hữu là ông K' Yông. Tại thời điểm cầm cố ông có thoả thuận với ông Đ là cầm chiếc xe máy trên với số tiền là 10.000.000đ kể từ ngày 05/5/2024 cho đến khi ông có điều kiện sẽ chuộc lại theo hai bên đã thoả thuận. Số tiền gốc và lãi sẽ do hai bên tự thoả thuận. Nhưng đến ngày 02/01/2025 ông đến trả tiền lấy xe thì ông Đ không trả lại chiếc xe máy trên cho ông và trả lời là đã bán lại chiếc xe máy cho người khác. Ngoài ra ông Đ không chịu trách nhiệm trả lại cho ông chiếc xe máy này. Người đứng tên chủ sở hữu của chiếc xe máy là bố ông tên là ông K' Yông.

Qua sự việc cho thấy ông Đ đã tự ý bán chiếc xe máy của ông mà không có sự trao đổi với ông, không được sự đồng ý của ông. Ông Đ đã tự ý định đoạt tài sản của ông mà không được sự cho phép của ông. Trong khoảng thời gian từ lúc ông cầm cố chiếc xe máy đến khi ông Đại tự Ý bán cho người khác thì ông Đ không hề liên lạc với ông cũng như cho ông biết là tình trạng chiếc xe như thế nào. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Đ phải trả lại cho ông chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1 53870; số khung: E4970DR24324 và số máy: E467D2R24324; loại xe nam; màu sơn xanh mà ông đã cầm cố vào ngày 05/5/2024. Buộc ông Đ trả lại cho 01 giấy đăng ký xe mang tên ông K' Yông. Sau đó ông thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết ông không yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1-53870 mà ông yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông số tiền là 30.000.000đ. Ông đồng ý trả lại cho ông Đại số tiền 10.000.000đ và tiền lãi suất là 5.000.000đ. Sau khi trừ đi số tiền này thì ông Đ phải trả cho ông số tiền là 15.000.000đ. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn ông Trần Quang Đ trình bày:* Vào ngày 05/5/2024 ông K' Rinh có cầm cố cho ông chiếc xe máy biển số 49D1 53870. Chiếc xe này ông K' Rinh đã cầm cố nhiều lần trước đó. Bản thân ông K' Rinh biết rõ hợp đồng cầm cố của cửa hàng là 30 ngày từ ngày cầm cố và được ông thông báo hết hạn 30 ngày kể từ ngày cầm cố cửa hàng sẽ thanh lý để thu hồi vốn. Theo hợp đồng giữa ông và ông K' Rinh thì ông nhận cầm cố chiếc xe trên là 10.000.000đ từ ngày 05/5/2025. Lãi suất hai bên thoả thuận nhưng ông vẫn chưa nhận được lãi suất và gốc từ ông K' Rinh. Tháng 7/2024 ông có gọi điện thoại cho ông K' Rinh nhưng không liên lạc được. Đến tháng 01/2025 ông có gọi điện thoại và trao đổi với ông K' Rinh xuống nhận

xe ông K' R đồng ý nhưng vẫn không xuống. Ông tiếp tục nhắn tin, gọi điện nhưng ông K' Rinh vẫn không trả lời. Nhân viên của ông đến gặp ông K' Rinh để xuống nhận xe nhưng ông K' Rinh không xuống. Sau đó ông nhận được thông báo thụ lý của Tòa án. Việc ông K' Rinh khởi kiện ông là không đúng vì giữa ông và ông K' Rinh có thoả thuận cầm cố và thời gian hết hạn không đóng lãi để làm hợp đồng mới thì ông sẽ thanh lý tài sản để thu hồi vốn. Ông K' Rinh là người cầm cố tài sản nhiều lần nên biết rõ về điều khoản thoả thuận của cầm cố. Qua yêu cầu khởi kiện của ông K' Rinh thì ông không đồng ý. Ông đồng ý trả lại cho ông K' Rinh chiếc xe máy trên và yêu cầu ông K' Rinh phải trả lại cho ông số tiền 10.000.000đ và tiền lãi suất. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K' Yông trình bày:* Ông là người đứng tên trên giấy đăng ký xe biển kiểm soát 49D1 - 53870. Trong quá trình sử dụng chiếc xe này ông đã cho con trai ông là ông K' Rinh vào năm 2022. Khi cho hai bên không viết giấy tờ gì với nhau và cũng chưa sang tên theo quy định. Nay chiếc xe này ông đã cho ông K' Rinh thì ông không có ý kiến gì. Đối với việc ông K' Rinh cầm đồ chiếc xe này cho ông Đ sau đó các bên phát sinh tranh chấp thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên Tòa: Các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K' Rinh về việc buộc ông Đ phải trả cho ông số tiền là 15.000.000 đồng. Buộc ông Trần Quang Đ có nghĩa vụ trả cho ông K' Rinh chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm sát 49D1 - 538.70, số khung E4970R24324, số máy E467D2R24324, loại xe nam, màu xanh mà ông K' Rinh cầm cố vào ngày 05/05/2024 và 01 giấy đăng ký xe mang tên K' Yông. Ông K' Rinh có nghĩa vụ trả cho ông Đại số tiền là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1.334.000đồng.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên buộc ông K' Rinh phải chịu chi phí định giá tài sản.

Về án phí: Ông K' Rinh phải chịu án phí DSST đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho ông Trần Quang Đ và số tiền không được Tòa án chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xuất phát từ việc vào ngày 05/5/2024 ông K' Rinh có cầm cố cho ông Đ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1 53870 để lấy số tiền là 10.000.000đ. Khi cầm cố các bên có ký kết hợp đồng cầm cố với nhau. Theo ông K' Rinh thì khi cầm cố các bên không thỏa thuận thời hạn cầm cố. Còn ông Đ thì cho rằng thời hạn cầm cố là một tháng. Đến ngày 02/01/2025 ông K' Rinh đến trả tiền để lấy xe thì ông Đ đã bán chiếc xe máy trên. Ông Đ cho rằng vì lý do ông đã liên lạc nhiều lần nhưng ông Đ không đến lấy xe nên ông đã bán chiếc xe này để thu hồi vốn. Vì vậy, các bên phát sinh tranh chấp. Nay ông K' Rinh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả lại cho ông chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1 53870 mà ông đã cầm cố. Buộc ông Đ phải trả lại cho ông 01 giấy đăng ký xe mang tên ông K' Yông. Sau đó ông K' Rinh thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết ông không yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông chiếc xe máy mà ông đã cầm cố mà ông yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông số tiền là 30.000.000đ. Ông đồng ý trả cho ông Đ số tiền 10.000.000đ và tiền lãi suất là 5.000.000đ. Sau khi trừ đi số tiền này thì ông Đ phải trả cho ông số tiền là 15.000.000đ. Qua yêu cầu khởi kiện của ông K' Rinh thì ông Đ không đồng ý. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*" là phù hợp. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K' Rinh thì thấy rằng:

Vào ngày 05/5/2024 ông K' Rinh có cầm cố cho ông Đ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1 53870; số khung E4970DR24324, số máy E467D2R24324; loại xe nam; màu sơn xanh; người đứng tên chủ sở hữu là ông K' Yông là có xảy ra trên thực tế và được các bên đương sự thừa nhận. Ông K' Rinh cầm cố chiếc xe máy này để lấy số tiền là 10.000.000đ. Số tiền này ông Đ đã giao cho ông K' Rinh.

Trong quá trình cầm cố tài sản đến ngày 02/01/2025 ông K' Rinh đến trả tiền để lấy xe về thì ông Đ đã bán chiếc xe máy trên. Ông K' Rinh thì cho rằng khi cầm cố tài sản các bên không thỏa thuận thời hạn cầm cố mà khi nào ông có tiền thì sẽ trả tiền lấy xe về. Ông Đ thì cho rằng thời hạn cầm cố là 01 tháng. Sau đó ông đã

liên lạc nhiều lần nhưng ông K' Rinh không đến lấy xe nên ông đã bán chiếc xe này để thu hồi vốn.

Qua xem xét thì thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản các bên xác lập vào ngày 05/5/2024 thì các bên không ghi thời hạn cầm cố là bao lâu. Ông K' Rinh thì cho rằng khi cầm cố tài sản các bên không thỏa thuận thời hạn cầm cố mà khi nào ông có tiền thì sẽ trả tiền và lấy xe về. Ông Đ thì cho rằng thời hạn cầm cố là 01 tháng. Tuy nhiên các bên không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Trong hợp đồng cầm cố tài sản do ông Đ xuất trình thì có ghi tháng 6 nhưng không ghi ngày và năm. Tuy nhiên tại hợp đồng cầm cố tài sản do ông K' Rinh xuất trình thì không chữ số tháng 6. Vì vậy, cần xác định số 6 là do ông Đại tự ghi thêm. Đến ngày 02/01/2025 ông K' Rinh đến trả tiền để lấy xe thì chiếc xe này ông Đ đã bán cho người khác. Tuy nhiên hiện nay chiếc xe máy này ông Đ vẫn đang quản lý. Vì vậy cần xác định tài sản mà ông K' Rinh đã cầm cố cho ông Đ hiện nay vẫn do ông Đ là người đang quản lý.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K' Rinh: Theo đơn khởi kiện ông K' Rinh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Đ phải trả lại cho ông K' Rinh chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1 53870, buộc ông Đ phải trả lại cho ông 01 giấy đăng ký xe mang tên ông K' Yông. Sau đó ông K' Rinh cho rằng vì lý do ông Đ đã thay đổi màu sơn, một số bộ phận của xe nên ông K' Rinh thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết ông không yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông chiếc xe máy mà ông đã cầm cố mà ông yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông số tiền là 30.000.000đ. Ông đồng ý trả cho ông Đại số tiền 10.000.000đ và tiền lãi suất là 5.000.000đ. Sau khi trừ đi số tiền này thì ông Đ phải trả cho ông số tiền là 15.000.000đ.

Qua xem xét thì thấy rằng: Trong quá trình ông K' Rinh cầm cố xe thì ông Đ đã sơn, sửa lại một số bộ phận của xe. Theo ông Đ trình bày thì số tiền ông đã bỏ ra là 2.500.000đ. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì hiện nay chiếc xe máy này có giá là 17.000.000đ. Sau khi có kết quả định giá tài sản thì các bên đương sự đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với một số bộ phận của xe ông Đ đã sơn, sửa lại và thay thế thì hội đồng định giá không có cơ sở để định giá đối với những bộ phận mà ông Đ đã thay thế, ông Đ cũng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với những phần mà ông đã thay thế.

Theo hợp đồng cầm cố có điều khoản thỏa thuận: *“Hiệu cầm đồ được quyền quản lý, điều động khi cần thiết khi hết hạn mà không có tiền chuộc lại, tôi đồng ý bán đồ vật cầm cố ngang bằng số tiền tôi đã nhận của cửa hàng. Cửa hàng được thu vốn”*. Như vậy, hai bên có thỏa thuận về việc xử lý tài sản bảo đảm bằng hình

thực là ông K' Rinh bán lại xe cho ông Đ với giá ngang bằng số tiền đã nhận là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 300 Bộ luật dân sự thì ông Đ có nghĩa vụ thông báo cho K' Rinh trước khi bán tài sản. Ông Đ cho rằng đã gọi điện thoại thông báo cho K' Rinh vào tháng 07/2024 nhưng không liên lạc được, đến tháng 01/2025 thì nhắn tin cho K' Rinh khi ông đã khởi kiện ra Tòa án. Ông Đ không cung cấp được các tài liệu nào để chứng minh đã thông báo về việc xử lý chiếc xe của ông K' Rinh nên việc ông Đ bán chiếc xe mà ông K' Rinh đã cầm cố là chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Tuy nhiên hiện nay chiếc xe máy này ông Đ vẫn đang quản lý.

Ông K' Rinh không đồng ý nhận lại xe với lý do ông Đ đã thay đổi một số bộ phận của xe. Ông yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông số tiền là 30.000.000đ. Tuy nhiên yêu cầu này của ông K' Rinh là không có cơ sở và không phù hợp bởi lẽ theo kết quả định giá tài sản thì hiện nay chiếc xe trên có giá thị trường là 17.000.000đ. Bên cạnh đó tại thời điểm ông K' Yông mua chiếc xe này chỉ có giá là 24.000.000đ.

Nay các bên phát sinh tranh chấp và thống nhất chấm dứt hợp đồng cầm cố tài sản. Bên cạnh đó ông Đại đồng Ý1 trả lại chiếc xe máy trên cho ông K' Rinh nên căn cứ điều 302 Bộ luật dân sự cần buộc ông Đ có nghĩa vụ trả lại chiếc xe trên cho ông K' Rinh và ông K' Rinh phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như đã thỏa thuận và thanh toán chi phí phát sinh do việc chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp. Cụ thể: ông K' Rinh phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng đã nhận của ông Đ khi cầm cố xe và số tiền lãi chưa trả cho ông K' Rinh.

Xét thấy, tuy trong hợp đồng cầm cố tài sản không thỏa thuận về lãi suất nhưng hai bên đều thừa nhận khi cầm cố xe đã thỏa thuận về lãi suất, ông Đ cho rằng lãi suất là 2%/tháng, ông K1 cho rằng lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên Tòa hôm nay ông Đ chỉ yêu cầu ông K' Rinh phải trả lại số tiền lãi suất với mức 1,66%/tháng và tiền lãi suất ông chỉ yêu cầu ông K' Rinh phải trả cho ông là 8 tháng. Như vậy, số tiền lãi được tính cụ thể như sau: 10.000.000 đồng x 1,66%/năm x 8 tháng 1.328.000đ. Đây là số tiền lãi suất mà ông K' Rinh phải trả cho ông Đ.

[4] Đối với các bộ phận xe đã được ông Đại S sửa lại theo biên bản định giá tài sản ngày 12/06/2025 và màu sơn của xe đã thay đổi do sơn lại, chà rỉ xe để xe mới hơn thì ông Đ không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ nên Hội đồng định giá không có cơ sở định giá các hạng mục sơn và thay thế chi tiết do liên quan đến công cụ thể từng hạng mục. Ông Đ không có ý kiến và không yêu cầu gì đối với

phần đã sửa chữa và thay thế nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc định giá tài sản là 1.000.000đ. Số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp và đã được quyết toán xong. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên buộc nguyên đơn phải chịu số tiền này là phù hợp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 300; 302; 303; 304; 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K' Rinh về việc yêu cầu ông Trần Quang Đ phải trả lại cho ông K' Rinh số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Buộc ông K' Rinh phải trả lại cho ông Trần Quang Đại S1 tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tiền lãi suất là 1.328.000đ (Một triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn đồng). Tổng cộng là 11.328.000đ (Mười một triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Buộc ông Trần Quang Đ phải trả cho ông K' Rinh 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 49D1 53870; số khung E4970DR24324, số máy E467D2R24324 và 01 bản chính giấy đăng ký xe đứng tên ông K' Yông đối với chiếc xe biển kiểm soát 49D1 53870.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc K' Rinh phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Buộc ông K' Rinh phải chịu 566.000đ (Năm trăm, sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K' Rinh đã tạm nộp là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005313 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho ông K' Rinh số tiền tạm ứng án phí còn dư là 184.000đ (Một trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (20/8/2025) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Dũng**